Số: 2220/QĐ-UBND
Thời gian ký: 01/11/2023 09:48:28 +07:00

Phụ lục II
Biểu thu thập thông tin thực trạng hiện diễn biến đất lâm nghiệp, dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Stt	Câu hỏi	Huyện Cư M'gar	Huyện Krông Năng	Huyện Ea H'leo	Tp. Buôn Ma Thuột	Thị xã Buôn Hồ	Huyện Krông Búk	Huyện Krông Pắc	Huyện Ea Kar	Huyện M'Đrắk	Huyện Krông Ana	Huyện Cư Kuin	Huyện Krông Bông	Huyện Lắk	Huyện Buôn Đôn	Huyện Ea Súp
I	**Thông tin chung**															
1	Tổng diện tích															
2	Tổng dân số															
3	Tổng nông hộ															
4	Tổng số nông hộ là dân tộc Kinh															
5	Tổng số nông hộ là dân tộc thiểu số															
6	Tỉ lệ hộ nghèo															
7	Tỉ lệ hộ cận nghèo															
8	Số hộ có tham gia công tác bảo vệ rừng															
II	**Thông tin về rừng**															
1	Tổng diện tích đất lâm nghiệp (thống kê theo từng huyện)															
2	Tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng (thống kê theo từng huyện)															
3	Tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng (thống kê theo từng huyện)															
4	Tổng diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng (thống kê theo từng huyện)															
5	Tổng diện tích rừng đặc dụng (thống kê theo từng huyện), diện tích có rừng															
6	Tổng diện tích rừng đặc dụng (thống kê theo từng huyện), diện tích chưa có rừng															

Stt	Câu hỏi	Huyện Cư M'gar	Huyện Krông Năng	Huyện Ea H'leo	Tp. Buôn Ma Thuột	Thị xã Buôn Hồ	Huyện Krông Búk	Huyện Krông Pắc	Huyện Ea Kar	Huyện M'Đrắk	Huyện Krông Ana	Huyện Cư Kuin	Huyện Krông Bông	Huyện Lắk	Huyện Buôn Đôn	Huyện Ea Súp
7	Tổng diện tích rừng phòng hộ (thống kê theo từng huyện), diện tích có rừng															
8	Tổng diện tích rừng phòng hộ (thống kê theo từng huyện), diện tích chưa có rừng															
9	Tổng diện đất rừng sản xuất (thống kê theo từng huyện) - Diện tích có rừng															
10	Tổng diện đất rừng sản xuất (thống kê theo từng huyện) - Diện tích chưa có rừng															
11	Tổng diện tích rừng trồng thuộc khu vực qui hoạch có khai thác															
12	Có dữ liệu GPS và Polygon các tiểu khu – lô – khoảnh theo từng loại rừng ?															
13	Hoạt động rà soát lại hiện trạng rừng theo 3 loại rừng?															
14	Nếu có, thì đã cập nhật bản đồ chưa?															
III	**Thông tin về dữ liệu địa chính**															
1	Tình hình bản đồ địa chính (bản đồ rải thửa) đã được số hóa toàn bộ, một phần hay chưa được số hóa?															
2	Nếu bản đồ địa chính (bản đồ rải thửa) đã được số hóa một phần, tỷ lệ diện tích được số hóa trên tổng diện tích có hồ sơ địa chính là bao nhiêu?															
3	Nếu bản đồ địa chính (bản đồ rải thửa) đã được số hóa toàn bộ hoặc một phần, định dạng số hóa của bản đồ địa chính là gì?															

Stt	Câu hỏi	Huyện Cư M'gar	Huyện Krông Năng	Huyện Ea H'leo	Tp. Buôn Ma Thuột	Thị xã Buôn Hồ	Huyện Krông Búk	Huyện Krông Pắc	Huyện Ea Kar	Huyện M'Đrắk	Huyện Krông Ana	Huyện Cư Kuin	Huyện Krông Bông	Huyện Lắk	Huyện Buôn Đôn	Huyện Ea Súp
4	Nếu bản đồ địa chính (bản đồ rải thửa) đã được số hóa toàn bộ hoặc một phần, dữ liệu định vị dưới dạng điểm GPS chiếm bao nhiêu %?															
5	Nếu bản đồ địa chính (bản đồ rải thửa) đã được số hóa toàn bộ hoặc một phần, dữ liệu định vị dưới dạng vùng (polygon) chiếm bao nhiêu %?															
6	Có dữ liệu GPS và Polygon của các vùng trồng cây lâu năm (cao su, keo, tràm…) ngoài đất qui hoạch lâm nghiệp?															
7	Tỉnh/huyện có kế hoạch bổ sung, hoàn thiện, số hóa các loại bản đồ trong thời gian tới bằng kinh phí của nhà nước không? Nếu có thì quy mô tiến hành như thế nào															
IV	**Thông tin về sản xuất**															
8	Tổng diện tích cà phê: (thống kê theo từng huyện – xã)															
9	Tổng diện tích cà phê Robusta: (thống kê theo từng huyện – xã)															
9	Tổng diện tích cà phê Arabica: (thống kê theo từng huyện – xã)															
10	Tổng diện tích cà phê đã được cấp chứng nhận (RA, 4C, Fairtrade) (thống kê theo từng huyện – xã)															
10	Tổng diện tích cà phê có chứng nhân sử dụng đất (thống kê theo từng huyện – xã)															
11	Tổng diện tích cà phê đã được đo đạc địa chính nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất (thống kê theo từng huyện – xã)															

Stt	Câu hỏi	Huyện Cư M'gar	Huyện Krông Năng	Huyện Ea H'leo	Tp. Buôn Ma Thuột	Thị xã Buôn Hồ	Huyện Krông Búk	Huyện Krông Pắc	Huyện Ea Kar	Huyện M'Đrắk	Huyện Krông Ana	Huyện Cư Kuin	Huyện Krông Bông	Huyện Lắk	Huyện Buôn Đôn	Huyện Ea Súp
11	Tổng diện tích cà phê được trồng sau ngày đã canh tác trước 31/12/2020 và chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng sử dụng đất															
12	Tổng diện tích rừng sản xuất gỗ:															
12	Tổng diện tích rừng sản xuất gỗ có chứng nhận sử dụng đất															
13	Tổng diện tích rừng sản xuất gỗ có chứng nhận FSC hoặc tương đương															
13	Tổng diện tích sản xuất ca cao															
14	Tổng diện tích ca cao có chứng nhân sử dụng đất															
14	Tổng diện tích ca cao đã canh tác trước 31/12/2020 nhưng chưa có chứng nhận sử dụng đất															
15	Tổng diện tích sản xuất cao su															
15	Tổng diện tích cao su có chứng nhận sử dụng đất/hoặc có quyết định phê duyệt dư án															
16	Tổng diện tích cao su đã canh tác trước 31/12/2020 nhưng chưa có chứng nhận sử dụng đất															
V	**Thông tin về chuỗi cà phê**															
1	Số công ty, doanh nghiệp thu mua cà phê từ nông dân (Thống kê theo từng huyện – xã)															
2	Sống công ty, doanh nghiệp chế biến cà phê xuất khẩu nhân sô – có nhà máy chế biến – xuất khẩu cà phê (Thống kê theo từng huyện)															

Stt	Câu hỏi	Huyện Cư M'gar	Huyện Krông Năng	Huyện Ea H'leo	Tp. Buôn Ma Thuột	Thị xã Buôn Hồ	Huyện Krông Búk	Huyện Krông Pắc	Huyện Ea Kar	Huyện M'Đrắk	Huyện Krông Ana	Huyện Cư Kuin	Huyện Krông Bông	Huyện Lắk	Huyện Buôn Đôn	Huyện Ea Súp
3	Số doanh nghiệp; hộ kinh doanh cá thể tham gia sản xuất cà phê rang xay (không kể quán cà phê)															
4	Tổng sản lượng cà phê sản xuất năm 2022 (Thống kê theo từng huyện)															